

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KT  
TỈNH KT**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/HS-ST.

Ngày: 19/12/2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông A Ừm và ông Trần Diệp Duy.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:** Bà Bùi Thị H -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Lê H** (tên gọi khác: Lê Xuân H), sinh ngày 16/4/1987 tại Kt; Số CCCD: 062087006876; Nơi cư trú: Thôn Trth, xã Vq, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; Bó: (không rõ); Mẹ: Lê Thị M – Sinh năm: 1968; Giữa bị cáo và chị Nguyễn Hoàng Phương U, sinh năm 2000, trú tại Thôn Trth, xã Vq, thành phố Kt có 01 con chung Nguyễn Minh A, sinh năm 2022.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2002 và 2004 bị Chủ tịch UBND tỉnh Kt quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đã chấp hành xong năm 2006.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2023 đến nay, có mặt.

2. **A Đ**, sinh ngày 01/01/1990 tại Kt; Số CCCD: 062090004149; nơi cư trú: Thôn Krb1, xã Vq, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ba Na; tôn giáo: Công giáo; cha FRAN – Sinh năm: 1967 và mẹ Y BY– Sinh năm: 1969; gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con đầu trong gia đình. Vợ: Y L- Sinh năm: 1992. Con: A Đ – sinh năm: 2010;

Tiền án: Ngày 23/6/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Kt xử phạt 06 tháng tù giam về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 19/9/2023 chấp hành xong hình phạt (chưa xóa án tích). Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023 đến nay, có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Hồ Ngọc Th, sinh năm 1965, vắng mặt;  
2/ Bà Lê Thị m, sinh năm 1968, có mặt;  
Cùng trú tại: Thôn Trth, xã Vq, thành phố Kt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 27/6/2023, tại thôn Phq 2, xã Vq, thành phố Kt, tỉnh Kt, Công an xã Vq tiến hành kiểm tra hành chính đối với bị cáo A Đ, phát hiện A Đ cất giấu trong người 01 bì ni lông dán kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy, Công an tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định. A Đ khai nhận 01 bì ni lông bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng vừa bị thu giữ là ma túy, nguồn gốc ma túy này là do A Đ xin của bị cáo Lê H vào trưa ngày 22/6/2023.

Vào lúc 9h30 phút ngày 28/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kt tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Lê H (*nhà của ông Hồ Ngọc Th và bà Lê Thị Mận là cha mẹ đẻ của bị cáo*), địa chỉ: Thôn Thanh Trung, xã Vq, thành phố Kt, phát hiện và lập Biên bản thu giữ các đồ vật, tài sản:

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, trong đó có 01 ống thủy tinh có chứa chất tinh thể rắn màu trắng được cất giấu dưới bình ga trong kệ bếp (*Niêm phong ký hiệu M3*);

+ 01 cân tiểu ly điện tử màu xám không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại đã qua sử dụng;

+ 01 kéo bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng;

+ 01 quẹt ga màu vàng đã qua sử dụng;

+ 45 bì ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, trong đó: 24 bì bỏ trong 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu trắng dán băng keo màu đen (*Niêm phong ký hiệu M1.1 đến M1.24*) và 21 bì bỏ trong lọ màu trắng, nắp màu đỏ quấn băng keo màu đen (*Niêm phong ký hiệu M2.1 đến M2.21*), tất cả được bỏ trong 01 cái ví màu cam và cất giấu trên nóc chuồng chim tại sân sau nhà.

Bị cáo Lê H khai nhận: **45** bì ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng bị thu giữ nêu trên là ma túy đá của bị cáo mua của đối tượng A Lút (không rõ nhân thân lai lịch) giá 3.000.000 đồng vào khoảng 03h00 sáng ngày 28/6/2023. A Lút mang ma túy đến bán tại nơi ở của bị cáo. Khi mua là 01 gói, bị cáo lấy một ít sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo phân thành 45 gói nhỏ và cất giấu trên nóc chuồng chim sau sân nhà như nêu trên. Mục đích mua ma túy để sử dụng dần. Ngoài ra vào khoảng 08 giờ sáng ngày 22/6/2023 tại khu vực Cầu số 1 thuộc thôn Trth, xã Vq, thành phố Kt bị cáo mua của đối tượng A Lút 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng, bị cáo sử dụng một ít, số còn lại bị cáo cho bị cáo A Đ để sử dụng.

**Tại Kết luận giám định về ma túy, kết luận:**

- **24** bì ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu của bị cáo **H** (*Niêm phong ký hiệu M1.1 đến M1.24*) là ma túy **Methamphetamine** khối lượng **1,892** gam (Sau giám định còn: 1,412gam);

- **21** bì ni lông hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu của bị cáo **H** (*Niêm phong ký hiệu M2.1 đến M2.21*) là ma túy **Methamphetamine** khối lượng **1,612** gam (Sau giám định còn: 1,192gam);

- Chất tinh thể rắn màu trắng trong 01 ống thủy tinh thu của bị cáo **H** (*Niêm phong ký hiệu M3*) là ma túy **Methamphetamine** khối lượng **0,069** gam (Sau giám định còn: 0,049gam).

**Tổng cộng** khối lượng ma túy thu của bị cáo **H** là: **3,573** gam (Sau giám định còn: 2,653gam).

- **01** bì ni lông bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu của bị cáo **A Đ** (*Niêm phong ký hiệu M*) là ma túy **Methamphetamine** khối lượng **0,120** gam (Sau giám định còn: 0,100 gam).

**Tại Cáo trạng** số 146/CT-VKSTPKT ngày 03/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố các bị cáo:

+ Truy tố bị cáo **H** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 (BLHS 2015);

+ Truy tố bị cáo **A Đêk** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

**Tại phiên tòa**, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS 2015, xử phạt bị cáo **H** từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù;

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS 2015, xử phạt bị cáo **A Đêk** từ 14 đến 18 tháng tù.

+ Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng và buộc hai bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS; Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**Về nội dung:**

**[1]** Xét hành vi của hai bị cáo:

Vào ngày 22/6/2023 và ngày 28/6/2023 tại nhà của ông Hồ Ngọc Th và bà Lê Thị Mận, địa chỉ: Thôn Thanh Trung, xã Vq, thành phố Kt tỉnh Kt, bị cáo Lê H đã 02 lần thực hiện hành vi cất giấu bất hợp pháp 3,693 gam ma túy Methamphetamine (trong đó ngày 22/6/2023 cất giấu **0,120** gam; ngày 28/6/2023 cất giấu **3,573** gam), khối lượng ma túy của mỗi lần cất giấu đều đủ định lượng cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” định tại khoản 1 Điều 249 BLHS 2015. Hành vi 02 lần phạm tội này của bị cáo là căn cứ định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 BLHS 2015.

Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 27/6/2023, tại thôn Phq 2, xã Vq, thành phố Kt, tỉnh Kt bị cáo A Đ đã thực hiện hành vi cất giấu bất hợp pháp **0,120**gam ma túy Methamphetamine, hành vi này của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

Do đó Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng Luật.

**[2]** *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của hai bị cáo.*  
*Xét thấy:* Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm. Hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

**[3]** *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:*

- Bị cáo H không phải bị chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo A Đeck đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Hai bị cáo nhân thân không tốt. A Đeck đã bị kết án, Lê H 02 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng.

**[4]** Căn cứ tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo. Cần xử phạt hai bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

**[5]** *Hình phạt bổ sung:* Khoản 5 Điều 249 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét 02 bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

**[6]** *Xử lý vật chứng:*

- **2,753 gam** (1,412gam + 1,192gam + 0,049gam + 0,100 gam) ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 ống thủy tinh, 01 cân tiểu ly, 01 kéo bằng kim loại và 01 que gạt màu vàng. Các vật chứng này đều là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành, là công cụ phạm tội không

còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS và Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy.

- **01** điện thoại di động và **01** xe mô tô BKS 82B1-625.52 không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ khoản 3 Điều 106 của BLTTHS trả lại điện thoại cho bị cáo H, trả xe mô tô cho bị cáo A Dẽk.

[7] *Án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[8] *Các vấn đề khác*:

- Bị cáo H khai mua ma túy của đối tượng A Lút. Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch A Lút. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

- Cơ quan CSĐT Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Lê H về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ.

- Ông Hồ Ngọc Th và bà Lê Thị Mận không biết việc Lê H tàng trữ và sử dụng ma túy trong nhà mình.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về tội danh**: Tuyên bố bị cáo **Lê H** (tên gọi khác: Lê Xuân H) và bị cáo **A Đ** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

**2. Về hình phạt**:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê H** (tên gọi khác: Lê Xuân H): **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**28/6/2023**).

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A Đ**: **16 (mười sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**27/6/2023**).

2.3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

**3. Xử lý vật chứng**: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015. Vật chứng được xử lý như sau:

**3.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng**:

- **2,753 gam** (Hai phẩy bảy năm ba gam) ma túy Methamphetamine (*Số ma túy còn lại sau giám định*) được bao gói mẫu vật trong phong bì số 166/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kt;

- **01** (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (đã lấy ống thủy tinh có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, niêm phong trong phong bì đánh số “03” gửi giám định).

- **01** (một) cân tiểu ly điện tử màu xám không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

- **01** (một) kéo bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- **01** (một) quẹt ga màu vàng, đã qua sử dụng.

- **01** (một) ví màu cam.

- **01** (một) lọ nhựa màu trắng, nắp màu trắng dán băng keo màu đen, hình số “2”.

- **01** (một) lọ nhựa màu trắng, nắp màu đỏ quấn băng keo màu đen.

**3.2. Trả lại các tài sản cho hai bị cáo:**

- Trả lại cho bị cáo A Đ **01** (Một) xe mô tô BKS 82B1-625.52, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu đỏ đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe;

- Trả lại cho bị cáo Lê H (tên gọi khác: Lê Xuân H): **01** (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng, niêm phong trong phong bì đánh số “04” có chữ ký của những người liên quan và đóng dấu của Công an xã Vq, thành phố Kt.

Tất cả các vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/11/2023, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kt với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt.

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê H (tên gọi khác: Lê Xuân H) và bị cáo A Đ, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**19/12/2023**). Những người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tp. KonTum;
- Công an tp. KonTum;
- Chi cục THADS tp.KonTum;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Hoài**

